

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 6 - 2021
V/v “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Huy Cường
2. Ông Nguyễn Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 624/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1990. (Vắng mặt).

Bị đơn: Anh Đinh Tấn T, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 18, ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị H trình bày: Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện G. Thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến gia đình, từ đó chị và anh T ly thân luôn cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T chung sống có 02 con chung, cháu Đinh Thu H, sinh ngày 06-7-2009 và cháu Đinh Lê L, sinh ngày 09-10-2011. Hai cháu đang sống với chị, nay chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản làm việc ngày 10-5-2021 anh T đồng ý ly hôn với chị H, con

chung anh đồng ý giao 02 con cho chị H nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Chị H và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó đề nghị xét xử vắng mặt chị H và anh T theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T; về con chung: giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu H và cháu L; về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết; nợ chung anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị H và anh T chung sống với nhau đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nên anh chị ly thân luôn cho đến nay. Nay chị H có đơn yêu cầu ly hôn anh T đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

[3] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung là cháu Đinh Thu H, sinh ngày 06-7-2009 và cháu Đinh Lê L, sinh ngày 09-10-2011. Anh chị thống nhất giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu cũng như qua làm việc hai cháu H và L có nguyện vọng sống chung với chị H, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại Viện viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: chị Lê Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội về án phí, lệ phí;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim H đối với anh Đinh Tấn T. Chị H được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Thu H, sinh ngày 06-7-2009 và cháu Đinh Lê L, sinh ngày 09-10-2011. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đinh Tân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: chị Lê Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0012505 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (chị H đã nộp xong).

6. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài